

School of Economics
University of Economics Ho Chi Minh City

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ
VIỆT NAM VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP LÊN CÁC SMEs
ĐƯỢC THỤ HƯỞNG Ở TPHCM – MỘT SỐ KẾT QUẢ SƠ BỘ**

Nguyễn Khánh Duy & Nguyễn Thị Hoàng Oanh

Tóm tắt

Báo cáo này bước đầu chuẩn bị các thông tin, mô hình logic nhằm thiết kế đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp lên các SMEs được hưởng lợi thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu của TPHCM (Chế biến tính lương thực-thực phẩm; Hóa, Nhựa-Cao su; Cơ khí; Điện tử & Công nghệ thông tin) cũng như các ngành công nghiệp chế biến chế tạo nói chung. Có nhiều biến kết quả tiềm năng của chính sách, tuy nhiên chúng tôi hướng đến một số biến kết quả tiềm năng thông dụng của chính sách hỗ trợ SMEs là doanh thu, giá trị gia tăng, năng suất lao động (doanh thu bình quân một lao động, giá trị gia tăng bình quân một lao động), việc làm, xuất khẩu, cung ứng sản phẩm cho các DN có vốn đầu tư nước ngoài, sự cải tiến-đổi mới (hay đổi mới sáng tạo) trong thực tiễn sản xuất kinh doanh của DN; đầu tư; các biến kết quả này cũng được các nghiên cứu đánh giá tác động của các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quan tâm

Working Paper Series
UEHSEWP #002/2017

Đánh giá tác động của chính sách của chính phủ Việt Nam về hỗ trợ doanh nghiệp lên các SMEs được thụ hưởng ở TPHCM – một số kết quả sơ bộ

Nguyễn Khánh Duy, Nguyễn Thị Hoàng Oanh

1. Giới thiệu

Từ năm 2011 đến nay (năm 2017), có nhiều chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đã được nhiều bộ, ngành trung ương, cũng như các tỉnh, thành phố triển khai. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) được thể hiện trọng tâm ở Nghị định 56 của Chính phủ (ban hành ngày 30/6/2009) và các văn bản hướng dẫn thi hành nghị định này. Tuy nhiên, SMEs cũng được hưởng lợi từ các chương trình được quy định ở một số văn bản không phải chỉ dành riêng cho SMEs mà cho các doanh nghiệp nói chung nếu thỏa mãn những điều kiện đặt ra (Cục phát triển doanh nghiệp 2014a 2014d 2013a 2016)

Năm 2013, 2015 Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương, Viện lao động & xã hội, Khoa Kinh tế - ĐH Copenhagen (Đan Mạch) đã thu thập dữ liệu liên quan đến các SMEs ở 10 tỉnh/thành phố ở Việt Nam. Trong đó, có thông tin về việc được thụ hưởng hay không được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của chính phủ. Dữ liệu này có thể đại diện tốt cho từng tỉnh được khảo sát, cũng như cho loại hình sở hữu (các doanh nghiệp chính thức, và các hộ kinh doanh) (CIEM, ILSSA & DoE 2014 2012 2009). Các chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng được đề cập trong trang Web của cục phát triển doanh nghiệp (Cổng thông tin doanh nghiệp: <http://business.gov.vn>), và hệ thống tương đối đầy đủ trong “*Sách hướng dẫn chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*”

Báo cáo này bước đầu chuẩn bị các thông tin, mô hình logic nhằm thiết kế đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp lên các SMEs được hưởng lợi thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu của TPHCM (Chế biến tinh lương thực-thực phẩm; Hóa, Nhựa-Cao su; Cơ khí; Điện tử & Công nghệ thông tin) cũng như các ngành công nghiệp chế biến chế tạo nói chung. Có nhiều biến kết quả tiềm năng của chính sách, tuy nhiên chúng tôi hướng đến một số biến kết quả tiềm năng thông dụng của chính sách hỗ trợ SMEs là doanh thu, giá trị gia tăng, năng suất lao động (doanh thu bình quân một lao động, giá trị gia tăng bình quân một lao động), việc làm, xuất khẩu, cung ứng sản phẩm cho các DN có vốn đầu tư nước ngoài, sự cải tiến-đổi mới (hay đổi mới sáng tạo) trong thực tiễn sản xuất kinh doanh của DN; đầu tư; các biến kết quả này cũng được các nghiên cứu đánh giá tác động của các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quan tâm, ví dụ: Grimm và Paffhausen (2015), López-Acevedo và Tan (2011), Higuchi và ctg. (2015), McKenzies và Woodruff (2012), Valdivia 2015, Mano và ctg. 2011, Mano và ctg (2014)

2. Phương pháp và dữ liệu

Đánh giá tác động của một chính sách lên các doanh nghiệp được thụ hưởng được hiểu là xem xét xem chính sách có thực sự mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp được thụ hưởng hay không; nói cách khác, đây là việc tìm hiểu xem những thay đổi trong các kết quả tiềm năng của các doanh nghiệp được thụ hưởng mà do chính sách tạo ra thực sự là bao nhiêu (Imas & Rist 2009, Gertler & ctg. 2011). Công việc này có nhiều thách thức, bởi vì những thay đổi trong kết quả tiềm năng của các doanh nghiệp được thụ hưởng có thể xuất phát từ nhiều yếu tố, trong đó các chính sách mà chúng ta đang quan tâm chỉ là một trong các yếu tố; hơn nữa chúng ta không thực hiện được việc phân bổ ngẫu nhiên các DN trong nền kinh tế thành 2 nhóm được thụ hưởng và không được thụ hưởng ngay từ đầu (Khandker & ctg 2010). Có nhiều phương pháp để đánh giá tác động của chính sách mà có thể kiểm soát các vấn đề trên (PSM, DID, PSM-DID, IV, RD...); phương pháp so sánh điểm xu hướng (PSM) và phương pháp so sánh điểm xu hướng kết hợp với khác biệt kép (PSM-DID) được sử dụng trong phân tích; Đây là hai phương pháp thông dụng thuộc thiết kế bán thí nghiệm trong đánh giá tác động của các chính sách, hay chương trình, dự án (Imas & Rist 2009, Gertler & ctg. 2011). Phương pháp PSM, PSM-DID được phát triển bởi Rosenbaum & Rubin (1983), Heckman & ctg. (1998a, 1998b). Hiện nay, cũng có nhiều tài liệu hướng dẫn việc đánh giá tác động mang tính thực hành, ví dụ như tài liệu của Ngân hàng thế giới do Khandker và ctg. (2010) biên soạn.

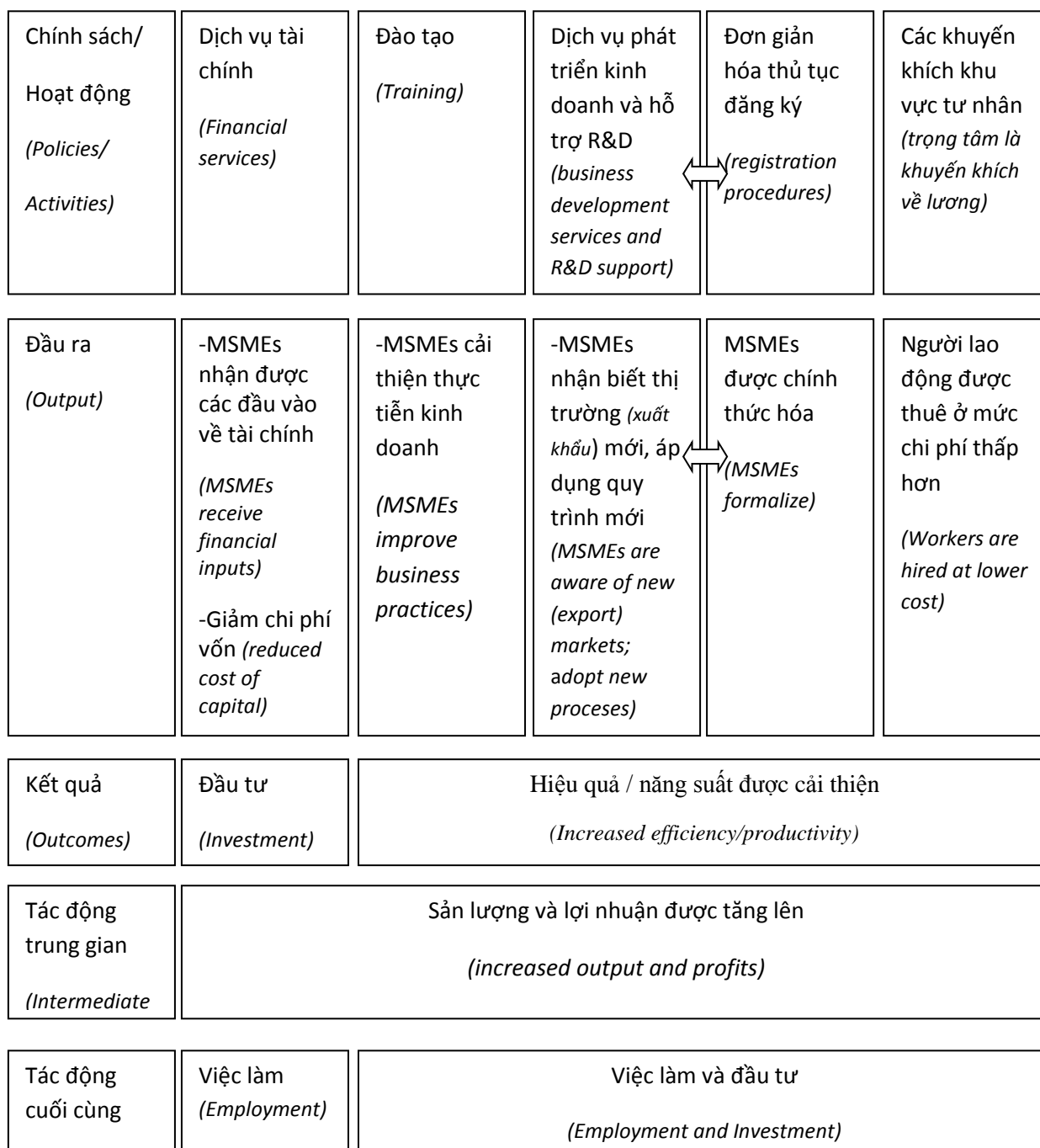
Sau khi phân tích các chính sách nhằm hiểu rõ bối cảnh, xác định được những biến kết quả tiềm năng cần phải quan tâm¹; Phương pháp PSM, PSM-DID gồm có 3 bước chính:

Bước 1, đầu tiên, cần xác định được những doanh nghiệp được thụ hưởng chính sách (nhóm tham gia) và nhóm doanh nghiệp không được thụ hưởng (nhóm đối chứng). Có 2 trường hợp sẽ được xem xét: Trường hợp 1, nhóm tham gia gồm các doanh nghiệp trả lời rằng họ nhận được một trong các hỗ trợ từ phía nhà nước ở năm 2012 [từ dữ liệu khảo sát năm 2013]; Trường hợp 2, nhóm tham gia gồm các doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ của nhà nước ở một trong hai năm 2012 (từ dữ liệu khảo sát năm 2013) hoặc năm 2014 (từ dữ liệu khảo sát năm 2015).

Bước 2. Xây dựng một mô hình kinh tế lượng (probit, hoặc logit, hoặc một số mô hình xác suất khác) nhằm giải thích tình trạng tham gia chính sách của các DN. Từ đó tính toán xác suất tham gia chính sách của các DN (còn gọi là điểm xu hướng), xác định vùng xác suất mà có thể bao gồm các doanh nghiệp có thể so sánh được với nhau

¹ Các kết quả tiềm năng của can thiệp chính sách, chương trình, dự án cũng như các chỉ số đo lường các kết quả này, sự lý giải cơ chế dẫn đến các kết quả tiềm năng có thể xuất phát từ mục tiêu của của các can thiệp, từ các lý thuyết/nghiên cứu thực nghiệm có liên quan, từ quan sát tham dự & phỏng vấn bán cấu trúc/phi cấu trúc với các đối tượng có liên quan, v.v ... (Imas & Rist 2009). Hình 1 trình bày một chuỗi kết quả của can thiệp hỗ trợ SMEs do Grimm & Paffhausen (2015) đề xuất.

(thường gọi là vùng hỗ trợ chung), thực hiện việc kiểm định cân bằng nhằm đảm bảo việc so sánh giữa DN tham gia với DN tương đồng là hợp lý. Trong mô hình này, các biến độc lập nên ở trước thời điểm tham gia chính sách (Gertler & ctg. 2011); tuy nhiên, không bắt buộc như vậy (Khandker & ctg. 2010). Các biến giải thích cho xác suất tham gia chính sách hỗ trợ SMEs có căn cứ từ nhiều nghiên cứu khác mà được tổng hợp bởi Nguyễn Khánh Duy (2017).



Nguồn: Grimm & Paffhausen (2015)

Hình 1 Chuỗi kết quả của can thiệp hỗ trợ SMEs của Grimm & Paffhausen (2015)

Bước 3. Mỗi DN thuộc nhóm tham gia sẽ được so sánh với một hoặc một số DN tương đồng (có đặc điểm gần nhất với DN thuộc nhóm tham gia được xem xét) trong các DN thuộc nhóm đối chứng về các biến kết quả tiềm năng. Có nhiều phương pháp so sánh khác nhau; tuy nhiên báo cáo này sử dụng phương pháp so sánh Kernel với Bootstrapped standard errors nhằm tận dụng tối đa các quan sát ở nhóm kiểm soát khi tính đến yếu tố trọng số trong các quan sát và phù hợp với trường hợp mẫu nhỏ. Trung bình của các chênh lệch kết quả tiềm năng khi so sánh giữa từng DN thuộc nhóm tham gia với một hoặc một số DN tương đồng cho biết tác động của chính sách. Với PSM, biến kết quả tiềm năng được sử dụng ở thời điểm sau khi DN được thụ hưởng, hoặc ở ngay năm được thụ hưởng. Với PSM-DID, biến kết quả cần tiềm năng cần có ở 2 thời điểm: sau khi được thụ hưởng (hoặc ở năm được thụ hưởng) và trước khi được thụ hưởng.

Với mục tiêu đánh giá tác động, chúng tôi dự kiến sẽ sử dụng dữ liệu khảo sát SMEs ở năm 2013 và năm 2015. Các DN của 2 năm này sẽ được ghép nối với nhau nhằm có thể xác định được tình trạng được thụ hưởng của DN (được thụ hưởng chính sách và không được thụ hưởng chính sách) ở năm 2012, năm 2014. Trong dữ liệu này, các DN là các doanh nghiệp chính thức và các hộ kinh doanh (cơ sở sản xuất công nghiệp) có đăng ký kinh doanh ở mà tồn tại ở cả 2 đợt khảo sát sẽ được sử dụng trong phân tích tác động của chính sách. Các DN được sử dụng trong phân tích thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu của TPHCM. Mỗi doanh nghiệp đều có thể xác định được các kết quả tiềm năng (ví dụ doanh thu, giá trị gia tăng, năng suất lao động...) ở thời điểm năm 2014. Một số biến kết quả tiềm năng mà có được ở năm 2011 cũng sẽ được sử dụng trong việc sử dụng phương pháp PSM-DID.

3. Kết quả sơ bộ

3.1 Tình hình được thụ hưởng chính sách ở năm 2012

3.1.1 Tỷ lệ DN được thụ hưởng chính sách thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu

Thông tin đầy đủ về việc được thụ hưởng hay không được thụ hưởng các chương trình hỗ trợ cụ thể gắn với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và SMEs nói riêng của chính phủ (và được triển khai tại các tỉnh/thành phố; hoặc các chính sách của riêng các tỉnh/thành phố) trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2017 chưa được Tổng Cục Thống Kê hoặc các bộ, ngành, địa phương lồng ghép vào các đợt khảo sát doanh nghiệp định kỳ. Hiện nay, chúng ta chỉ có được một số thông tin cơ bản về vấn đề này qua cuộc khảo sát SMEs định kỳ 2 năm một lần do hai viện nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động-Thương Binh & Xã hội, và ĐH Copenhagen (Đan Mạch) phối hợp triển khai. Các chương trình can thiệp của chính

phủ cần thu thập thông tin từ các SMEs được hệ thống trên trang Web của Cục phát triển doanh nghiệp để và SMEs được khảo sát có thể tham khảo².

Cuộc khảo sát SMEs gần đây nhất đã được công bố là bộ số liệu SMEs 2013. Nếu phân tích riêng bộ số liệu này cho các doanh nghiệp thuộc khu vực ngoài quốc doanh trong nước được khảo sát ở TPHCM, thuộc ngành công nghiệp chế tác nói chung (trong đó có các doanh nghiệp thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu của TPHCM) chúng ta có được các thông tin như **Bảng 1**, **Bảng 2** và **Bảng 3**.

Bảng 1 Số lượng và tỷ lệ DN được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ SMEs

	đvt	4 ngành CN Trọng yếu	DN chính thức	Hộ kinh doanh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Năm 2012				
Số DN được thụ hưởng	DN	40	22	18
Số DN	DN	367	173	194
Tỷ lệ mẫu	%	10,9	12,7	9,3
Cận dưới của khoảng tin cậy 95%	%	8,1	8,5	5,9
Cận trên của khoảng tin cậy 95%	%	14,5	18,6	14,3

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu khảo sát SMEs năm 2013

Ghi chú: Số liệu chỉ bao gồm các DN và Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh chính thức của TPHCM thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu của TPHCM. Tỷ lệ được ước lượng với lệnh proportion của Stata.

Năm 2012 là năm mà các chương trình hỗ trợ SMEs bắt đầu được triển khai một cách hệ thống theo Nghị định 56 (có hiệu lực thi hành vào ngày 20/08/2009) khi các Thông tư hướng dẫn thi hành được ban hành đầy đủ và áp dụng trong thực tế đời sống xã hội.

Với Dữ liệu SMEs 2013, tỷ lệ các SMEs thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu trên địa bàn TPHCM được thụ hưởng ít nhất một trong các chương trình hỗ trợ của nhà nước (bao gồm cả ở cấp trung ương và địa phương) là 10,9 % ở năm 2012 (Khoảng tin cậy 95% của tỷ lệ tổng thể là 8,1% đến 14,5%). **Bảng 1** cũng trình bày tỷ lệ này chi tiết cho các doanh nghiệp chính thức và các cơ sở sản xuất công nghiệp (hộ kinh doanh) thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu.

² <http://business.gov.vn>

3.1.2 Tình trạng thụ hưởng của SMEs năm 2012 phân theo các chương trình hỗ trợ

Bảng .2 Chi tiết tình trạng thụ hưởng chính sách năm 2012 theo nhóm chương trình

	4 Ngành CN trọng yếu		Ngành CN chế tác khác		Ngành CN chế tác	
	Số lượng	tỷ lệ %	Số lượng	tỷ lệ %	Số lượng	tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Hỗ trợ về tài chính	34	9,3	23	9,6	57	9,4
Khuyến khích đầu tư (miễn, giảm thuế)	23	6,3	17	7,1	40	6,6
Vay ưu đãi	18	4,9	13	5,4	31	5,1
Hỗ trợ kỹ thuật	10	2,7	8	3,3	18	3,0
Đào tạo nguồn nhân lực (về khởi sự DN, quản trị DN)	6	1,6	4	1,7	10	1,7
CTQG về xúc tiến TM	5	1,4	3	1,3	8	1,3
CT XT công nghệ và chất lượng	2	0,5	2	0,8	4	0,7
Các hỗ trợ khác	5	1,4	2	0,8	7	1,2
Được hỗ trợ ít nhất từ 1 CT	40	10,9	26	10,9	66	10,9
Không được hỗ trợ	327	89,1	213	89,1	540	89,1
Tổng số doanh nghiệp	367	100,0	239	100,0	606	100

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu khảo sát SMEs năm 2013

4. Lời kết

Báo cáo này đã mô tả một Sơ đồ phát triển thể hiện khung logic làm căn cứ cho việc đánh giá tác động của can thiệp. Theo đó, các chỉ số đo lường kết quả có thể tiếp tục được thu thập từ dữ liệu khảo sát SMEs năm 2015 khi dữ liệu này được công bố. Việc xác định được những doanh nghiệp thuộc nhóm tham gia chính sách thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu (cũng như các ngành công nghiệp chế biến chế tạo) của TPHCM ở năm được lựa chọn (2012) sẽ góp phần hiện thực hóa những mục tiêu đánh giá tác động của chính sách này trong tương lai gần.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), Bộ Tài Chính (MOF), 2011. *Thông tư liên tịch: hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa [Thông tư 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC]*, ban hành ngày 31/03/2011, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/5/2011. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật – Bộ tư pháp .Sẵn có tại Website (Truy cập ngày 10/10/2016):

<http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/Attachments/26523/05.2011.TTLT.BKH.BTC.zip>

và

<http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/Attachments/26523/05.2011.TTLT.BKH.BTC.phuluc.zip>

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), 2013. *Báo cáo tóm tắt tình hình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2012*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) và Bộ Tài Chính (MOF), 2014. *Thông tư liên tịch: Hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa [Thông tư 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC]*, ban hành ngày 13/08/2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/09/2014. Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật – Bộ tư pháp. Sẵn có tại Website (truy cập ngày 10/10/2016):

<http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/Attachments/29869/04.2014.TTLT.BKHDT.BTC.doc>

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), 2015. *Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2016-2020 [Bản dự thảo 1, tháng 10/2015]*

Chính phủ, 2009. *Nghị định về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa [Nghị định số 56/2009/NĐ-CP]*, Ban hành ngày 30/06/2009, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/08/2009, Cổng thông tin điện tử - Chính phủ nước Cộng hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam, Sẵn có tại Website (truy cập ngày 10/10/2016):

http://datafile.chinhphu.vn/file-remote-v2/DownloadServlet?filePath=vbpq/2009/07/91865_ND56CP.DOC

Chính phủ, 2010a. *Nghị quyết về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa [Nghị quyết 22/NQ-CP]*, ban hành ngày 05/05/2010, Cổng thông tin điện tử - Chính phủ nước Cộng hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam. Sẵn có tại Website (truy cập ngày 10/10/2016):

http://datafile.chinhphu.vn/file-remote-v2/DownloadServlet?filePath=vbpbq/2010/05/99319_NQ22CP.DOC

Chính phủ, 2010b. *Nghị quyết về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa* [Nghị quyết số 22/NQ-CP]. Cổng thông tin điện tử - Chính phủ nước Cộng hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam

Chính phủ, 2016a. *Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư*, [Nghị định số 84/2015/NĐ-CP], ban hành ngày 30/09/2015. Cổng thông tin điện tử - Chính phủ nước Cộng hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam. Sẵn có tại Website:

<http://datafile.chinhphu.vn/file-remote-v2/DownloadServlet?filePath=vbpbq/2015/10/84.signed.pdf>

Cục phát triển doanh nghiệp, 2013a. *Báo cáo tình hình trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV năm 2012, định hướng kế hoạch năm 2013*, Cổng thông tin doanh nghiệp.

Cục phát triển doanh nghiệp, 2013b. *Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Hiệp hội doanh nghiệp năm 2012 và những tháng đầu năm 2013*, Cổng thông tin doanh nghiệp.

Cục phát triển doanh nghiệp, 2014a. *Sách hướng dẫn chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Cổng thông tin doanh nghiệp.

Cục phát triển doanh nghiệp, 2014b. *Báo cáo tình hình công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp năm 2013 của các tỉnh phía Bắc*, Cổng thông tin doanh nghiệp.

Cục phát triển doanh nghiệp, 2014c. *Báo cáo thực trạng công tác hỗ trợ doanh nghiệp tại 6 tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long*, Cổng thông tin doanh nghiệp.

Cục phát triển doanh nghiệp, 2014d. *Tình hình thực hiện chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Báo cáo phục vụ Hội thảo do Cục phát triển doanh nghiệp tổ chức ngày 9/9/2014) tại Hà Nội*, Cổng thông tin doanh nghiệp.

Cục phát triển doanh nghiệp, 2014e. *Báo cáo kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và phát triển DNNVV*, Cổng thông tin doanh nghiệp.

Cục phát triển doanh nghiệp, 2016. *Tình hình thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Bộ Khoa học và công nghệ*. Cổng thông tin doanh nghiệp.

Imas, L. G. M., Rist, R. C., 2009. *Đường đến kết quả: thiết kế và thực hiện các đánh giá phát triển hiệu quả*, bản dịch Tiếng Việt, Washington DC: Ngân hàng thế giới

Nguyễn Khánh Duy, 2017. *Can thiệp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về đào tạo-tư vấn kinh doanh: phát triển mô hình logic và đánh giá tác động thực nghiệm ở Việt Nam*. Luận án (bản thảo), Việt Nam: Trường ĐH Kinh tế TP HCM.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương – CIEM, Viện Khoa học Lao động và Xã hội - ILSSA, Khoa Kinh tế (DoE) của ĐH Copenhagen, 2014. *Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam: Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2013*

[*Characteristics of the Vietnamese Business Environment: Evidence from a SME survey in 2013*]. Hà Nội: NXB Tài chính

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương – CIEM, Viện Khoa học Lao động và Xã hội - ILSSA, Khoa Kinh tế (DoE) của ĐH Copenhagen, 2012a. *Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam: Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2011* [*Characteristics of the Vietnamese Business Environment: Evidence from a SME survey in 2011*]. Hà Nội: NXB Lao động-Xã hội.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương – CIEM, Viện Khoa học Lao động và Xã hội - ILSSA, Khoa Kinh tế (DoE) của ĐH Copenhagen, 2012b. *Năng lực cạnh tranh và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp tại Việt Nam: Kết quả điều tra năm 2011* [Firm-level competitiveness and technology in Vietnam evidence from a survey in 2011]. Hà Nội: NXB Lao động-Xã hội.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương – CIEM, Viện Khoa học Lao động và Xã hội - ILSSA, Khoa Kinh tế (DoE) của ĐH Copenhagen, 2010. *Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam: Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2009* [*Characteristics of the Vietnamese Business Environment: Evidence from a SME survey in 2009*]. Hà Nội: NXB Tài Chính.

Tiếng Anh

Caliendo, M. & Kopeinig, S., 2008. Some Practical Guidance For The Implementation of Propensity Score Matching. *Journal of Economic Surveys*, 22(1), pp. 31-72

Cancino, C. A., Bonilla, C.A., & Vergara, M., 2015. The Impact of Government Support Programs for The Development of Business in Chile. *Management Decision*, 53(8), pp.1736-1754.

Gertler, P.J., Martinez, S., Premand, P., Rawlings, L.B, & Vermeemrsch, C.M.J., 2011. *Impact evaluation in practice*. The Worldbank.

Grimm, M., Paffhausen, A.L., 2015. Do Interventions Targeted at Micro-Entrepreneurs and Small and Medium-Sized Firms Create Jobs? A Systematic Review of The Evidence For Low and Middle Income Countries. *Labour Economics*, 32, pp. 67-85

Heckman, J., Ichimura, H., & Todd, P., 1998a. Matching as an econometric evaluation estimator. *Review of Economic Studies*, 65 (2), pp. 261-294

Heckman, J., Ichimura, H., Smith, J. & Todd, P., 1998b. Characterizing selection bias using experimental data. *Econometrica*, 66(5), pp. 1017-1098

Higuchi, Y., Vu Hoang Nam, Sonobe, T., 2015. Sustained Impacts of Kaizen Training. *Journal of Economic Behavior & Organization* (accepted manuscript)

Jaramillo, M. & Diaz, J.J., 2011. Evaluating SME Support Programs in Peru, in **López-Acevedo, G. & Tan, H.W. 2011. Impact Evaluation of Small and Medium**

- Enterprise Programs in Latin America and the Caribbean*. Washington, D.C.:The World Bank
- Khandker, S.R., Koolwal, G.B., Samad, H.A., 2010. *Handbook on impact evaluation – Quantitative methods and practices*. The World Bank.
- López-Acevedo, G. & Tan, H.W. 2011. *Impact Evaluation of Small and Medium Enterprise Programs in Latin America and the Caribbean*. Washington, D.C.:The World Bank
- López-Acevedo, G. & Tinajero, M. 2010. Mexico: Impact Evaluation of SME Programs using Panel Firm Data. *Policy Research Working Paper*. The World Bank
- Mano, Y., Akoten, J., Yoshino, Y., & Sonobe, T., 2014. Teaching Kaizen to small business owners: An experiment in a metalworking cluster in Nairobi. *Journal of The Japanese and International Economies*, 33, pp. 25-42
- Mano, Y., Iddrisu, A., Yoshino, Y. & Sonobe, T. 2011. How Can Micro and Small Enterprises in Sub-Saharan Africa Become More Productive? Impacts of Experimental Basic Managerial Training. *World Development*, 40(3), pp. 458-468
- McKenzies, D., & Woodruff, C., 2012. What Are We Learning from Business Training and Entrepreneurship Evaluations around The Developing World?. *Policy Research Working Paper*, 6202, The World Bank.
- Valdivia, M., 2015. Business Training Plus for Female Entrepreneurship? Short and Medium-term Experimental Evidence from Peru. *Journal of Development Economics*, 113, pp. 33-51
- United Nations Development Group (UNDG), 2011, *Results-Based Management Handbook*, UNFPA & UNICEF
- Rakíević, Z., Omerbegović-Bijelović, J., & Lecić-Cvetković, D., 2016. A model for effective planning of SME support services. *Evaluation and Program Planning*, 54, pp. 30-40
- Rosenbaum, P. R. & Rubin, D. B., 1983. The Central Role of the Propensity Score in Observational Studies for Causal Effects. *Biometrika*, 70 (1), pp. 41-55